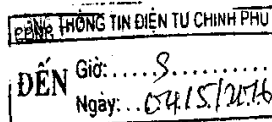


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 14 /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 25 tháng 4 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính Phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 398/TTr-VPUBND ngày 11 tháng 4 năm 2016 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 854/TTr-SNV ngày 25 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đầu mối Cổng Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý văn thư - lưu trữ và công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

- a) Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Văn bản hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện);
- d) Văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

- a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Các văn bản khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Tổng hợp đề nghị của các Sở, ban, ngành tỉnh (sau đây gọi chung là Sở), Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức liên quan;
- b) Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào chương trình, kế hoạch công tác những vấn đề cần tập trung chỉ đạo, điều hành hoặc giao cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án, dự án, dự thảo văn bản;
- c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác;
- d) Theo dõi, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng;
- đ) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện; kiến nghị giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch công tác;
- e) Kịp thời báo cáo, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, phục vụ các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo;
- c) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban

nhân dân tỉnh;

d) Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp;

b) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra công tác đối với các Sở; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Thực hiện nhiệm vụ trước Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp xúc, báo cáo, trả lời kiến nghị của cử tri;

d) Chỉ đạo, áp dụng biện pháp cần thiết giải quyết công việc trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp;

đ) Cải tiến lề lối làm việc; duy trì kỷ luật, kỷ cương của bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương.

6. Tiếp nhận, xử lý, trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những văn bản, hồ sơ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, trình (văn bản đến):

a) Đối với đề án, dự án, dự thảo văn bản do các cơ quan trình: Kiểm tra hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản; tóm tắt nội dung, nêu rõ thẩm quyền quyết định, sự đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vấn đề liên quan, đề xuất một trong các phương án: Ban hành, phê duyệt; đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh; gửi lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh lại, lấy thêm ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình xử lý, nếu đề án, dự án, dự thảo văn bản còn ý kiến khác nhau, chủ trì họp với cơ quan, tổ chức liên quan để trao đổi trước khi trình;

b) Đối với dự thảo báo cáo, bài phát biểu: Phối hợp với các cơ quan liên quan biên tập, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Đối với văn bản khác: Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan liên quan triển khai thực hiện; tổ chức các điều kiện cần thiết để Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật và nội dung văn bản đến.

7. Phát hành, quản lý, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quản lý, sử dụng con dấu, phát hành văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định kỳ rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành;

c) Rà soát nhằm phát hiện vướng mắc, phát sinh về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục và nghiệp vụ hành chính văn phòng trong quá trình chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung; hàng năm, tổng hợp, báo cáo Văn phòng Chính phủ;

d) Lưu trữ văn bản, hồ sơ, tài liệu của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thực hiện chế độ thông tin:

a) Tổ chức quản lý, cập nhật thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về hoạt động của Cổng Thông tin điện tử và kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Xuất bản, phát hành Công báo tỉnh;

d) Thiết lập, quản lý và duy trì hoạt động mạng tin học của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật:

a) Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phục vụ các chuyến công tác, làm việc, tiếp khách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Hướng dẫn nghiệp vụ hành chính văn phòng

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng kết, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ hành chính văn phòng đối với Văn phòng các Sở, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn.

11. Thực hiện nhiệm vụ quản trị nội bộ:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt liên quan đến hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tiếp nhận, xử lý văn bản do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; ban hành và quản lý văn bản theo quy định;

c) Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ được giao;

đ) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí

việc làm, cơ cấu viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Cơ cấu tổ chức.

a) Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có Chánh Văn phòng và không quá 03 Phó Chánh Văn phòng. Đồng thời, thực hiện điều khoản chuyển tiếp theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư 01/2015/TTLT- VPCP-BNV.

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

b) Các đơn vị hành chính:

- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Tài chính - Đầu tư;
- Phòng Khoa giáo - Văn xã;
- Phòng Nội chính;
- Phòng Hành chính - Tổ chức;
- Phòng Quản trị - Tài vụ;
- Ban Tiếp công dân tỉnh;
- Phòng Ngoại vụ.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

- Trung tâm Thông tin Điện tử;
- Nhà Khách Hùng Vương.

d) Cơ cấu tổ chức của Phòng, Ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

- Mỗi Phòng gồm có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và công chức

chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với Ban Tiếp Công dân có Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Tiếp công dân và công chức làm công tác tiếp công dân.

- Trung tâm Thông tin Điện tử có Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc và các Phòng chuyên môn nghiệp vụ; Nhà Khách Hùng Vương có Chủ nhiệm, không quá 02 Phó Chủ nhiệm và các Tổ chuyên môn nghiệp vụ.

đ) Trưởng ban, Phó Trưởng ban Tiếp công dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân. Việc điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban Tiếp công dân thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Giám đốc, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Nhà Khách Hùng Vương do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Biên chế công chức, số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập

Biên chế công chức, số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp của tỉnh do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Chế độ làm việc

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; là chủ tài khoản cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phó Chánh Văn phòng giúp Chánh Văn phòng thực hiện nhiệm vụ, được Chánh Văn phòng phân công theo dõi từng lĩnh vực công việc, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công.

Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trưởng các đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng phụ trách lĩnh vực về toàn bộ hoạt động của đơn vị mình.

5. Công chức, viên chức, người lao động chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phân công công việc của lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và

lãnh đạo Phòng, Ban, đơn vị sự nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo theo quy chế làm việc của cơ quan.

Điều 5. Chế độ trách nhiệm

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đối với những vấn đề tham mưu, đề xuất thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Chuyên viên, lãnh đạo Phòng, Ban, lãnh đạo đơn vị sự nghiệp và lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về ý kiến tham mưu, đề xuất của mình.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Với Văn phòng Chính phủ:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Chính phủ. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Văn phòng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi chế độ thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ thông tin, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

3. Với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Căn cứ các quy định của pháp luật và quy định này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

1. Tổ chức rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan phù hợp với quy định này.

2. Ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng, Ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới.

4. Sắp xếp, bố trí, điều động, bổ nhiệm, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Website Chính phủ; /
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban Tiếp công dân tỉnh (niêm yết);
- Website tỉnh;
- Báo Đồng Khởi, Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- NC: TH, HC-TC, TTTTĐT;
- Lưu: VT.



Cao Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

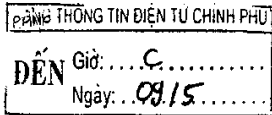
Số: 767 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 04 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tiếp tục thực hiện phong trào thi đua
“Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo;

Căn cứ ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 431/UBND-NN ngày 20/01/2016 về việc xây dựng kế hoạch thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 45/TTr-VPĐP ngày 24/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Kế hoạch kèm theo Quyết định này thay thế Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 02/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Phát động phong trào thi đua “Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (b/c);
- VP Điều phối nông thôn mới Trung ương;
- Công Thông tin Điện tử Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND huyện, thành phố Cà Mau;
- VP Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo, Đài, Cổng TTĐT, Trung tâm CB-TH;
- PNN-TN, KG-VX, KT, TH;
- Lưu: VT. Tr 76/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

KẾ HOẠCH

Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 767/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các ngành, các cấp và của toàn xã hội để cùng ra sức xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế phù hợp và các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, tiến bộ; gắn xây dựng nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; trình độ dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng cải thiện... Xây dựng nông thôn tỉnh Cà Mau phát triển toàn diện và bền vững.

- Tổ chức phong trào thi đua phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có từ 50% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới. Đối với 17 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí để 5 năm sau được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới bền vững.

2. Yêu cầu

- Tập trung cao độ trong công tác lãnh đạo, điều hành xây dựng nông thôn mới, xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và xuyên suốt của các ngành, các cấp trong thời gian tới.

- Tiếp tục tăng cường công tác vận động, tuyên truyền bằng nhiều hình thức để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn trong nhận thức đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng xây dựng nông thôn mới, tiếp tục tạo phong trào thi đua sâu rộng trong toàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn; bao gồm: Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần theo kế hoạch hàng năm, thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; hỗ trợ vốn tín dụng và vận động nhân dân đóng góp với mức độ hợp lý, trên tinh thần tự nguyện để xây dựng nông thôn mới.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI ĐUA

1. Đối tượng thi đua

- Sở, ban, ngành tỉnh được phân công theo dõi, hướng dẫn từng chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo; sở, ban, ngành, đơn vị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới bền vững vào cuối giai đoạn 2016 - 2020;

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Tập thể cán bộ, công chức, viên chức, sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện, xã thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Tổ chức hợp tác (hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ khuyến nông khuyến ngư,...); doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và tổ chức, cá nhân có thành tích cao trong đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn.

2. Nội dung thi đua

Thi đua xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành và nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp phân giao.

3. Hình thức tổ chức thi đua

- Thi đua giữa các xã;

- Thi đua giữa các huyện, thành phố Cà Mau;

- Thi đua giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: sở, ban, ngành được phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí nông thôn mới tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban ngành, đơn vị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; các đoàn thể cấp tỉnh đăng ký đảm nhận thực hiện tiêu chí nông thôn mới do Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì.

4. Thời gian thi đua: Từ năm 2016 đến năm 2020.

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA

1. Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

Sở, ban, ngành, đoàn thể được phân công chịu trách nhiệm từng chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ngành, đơn vị được phân công phụ trách xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Cà Mau và xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng để 05 năm sau đạt chuẩn nông thôn mới bền vững.

2. Đối với cấp huyện

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Kế hoạch thi đua hàng năm, giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với Kế hoạch thi đua của tỉnh, tình hình thực tế ở địa phương và tổ chức phát động các xã đăng ký thi đua;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp các xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt;

- Tùy tình hình thực tế ở địa phương, lựa chọn những tiêu chí có tính đột phá để tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo cơ sở và là điều kiện để thực hiện các tiêu chí khác; kịp thời hỗ trợ và xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã;

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ theo tháng, quý, năm cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh).

3. Đối với các xã

- Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã là người lãnh đạo và chịu trách nhiệm toàn diện, xem nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của xã trong thời gian tới;

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới; cập nhật theo dõi tiến độ thực hiện hàng tháng, quý, năm ở địa phương để có biện pháp chỉ đạo, điều hành đạt kế hoạch đề ra;

- Tăng cường công tác vận động, thuyết phục nhân dân tự nguyện tham gia đóng góp để hưởng thụ trong quá trình xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ”, xem đó là yếu tố quyết định để xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân

Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và tổ chức, cá nhân có đóng góp xây dựng và phát triển nông thôn mới (như hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ kinh phí mở lớp đào tạo; tập huấn kỹ thuật, kiến

thức khởi sự doanh nghiệp, quản lý kinh tế hộ; đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp thu hút lao động; giải quyết việc làm nông thôn; đầu tư mô hình sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao; có thành tích xuất sắc trong vận động đóng góp xây dựng nông thôn mới, vận động hộ dân thực hiện tiêu chí nông thôn mới;...) sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh ghi nhận, tuyên dương, khen thưởng.

IV. HÌNH THỨC VÀ CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

1. Đối với xã

a) Giải thưởng cho xã đạt chuẩn nông thôn mới lần đầu (giai đoạn 2016 - 2020):

- **Đối với xã có đến 10 ấp:** Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng).

- **Đối với xã có từ 11 ấp trở lên:** Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 700 triệu đồng (bảy trăm triệu đồng).

b) Giải thưởng cho xã đạt chuẩn nông thôn mới bền vững (5 năm sau khi được quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới lần đầu):

- **Đối với xã có từ 10 ấp trở xuống:** Được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 700 triệu đồng (bảy trăm triệu đồng).

- **Đối với xã có từ 11 ấp trở lên:** Được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 01 tỷ đồng (một tỷ đồng).

2. Cấp huyện

a) Đối với huyện, thành phố có từ 10 xã trở xuống:

Giải thưởng cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020, được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 05 tỷ đồng (năm tỷ đồng).

b) Đối với huyện có từ 11 xã trở lên:

- Giải thưởng cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tiền thưởng bằng công trình trị giá 07 tỷ đồng (bảy tỷ đồng).

- Các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tiêu biểu đủ các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Giải thưởng cho tập thể và cá nhân các đơn vị trong tỉnh

a) Cấp tỉnh:

- Sở, ban, ngành, đơn vị được phân công phụ trách, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; phụ trách xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện đạt hoặc vượt so với chỉ tiêu được giao, tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

- Ngành, đoàn thể có Đề án hoặc Chương trình, Kế hoạch tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới và thực hiện đạt kết quả xuất sắc, tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

b) Cấp huyện, xã:

Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp trong phong trào xây dựng nông thôn mới, được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó chú trọng khen thưởng người làm công tác trực tiếp.

c) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ khuyến nông khuyến ngư, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc:

Xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo đề nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp.

V. KINH PHÍ KHEN THƯỞNG

Kinh phí khen thưởng cho công tác xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được chi từ nguồn ngân sách địa phương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong tỉnh phân công trách nhiệm thành viên Hội đồng để chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Phong trào thi đua trên từng địa bàn cụ thể.

2. Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh:

- Sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách từng tiêu chí nông thôn mới tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kịp thời hỗ trợ xử lý những khó khăn trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Sở, ban, ngành, đơn vị được phân công phụ trách xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hỗ trợ để xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Các đoàn thể cấp tỉnh đăng ký đảm nhận thực hiện tiêu chí nông thôn mới do Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; phân công các cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả từng tiêu chí nông thôn mới. Trong đó, ưu tiên nguồn lực, tập trung chỉ đạo xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

4. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm lập dự toán kinh phí khen thưởng và cập nhật, theo dõi tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã, huyện, thành phố Cà Mau; tổng hợp, báo cáo định kỳ về Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ); sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Hàng năm báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu. Đến năm 2020, tổng kết Phong trào thi đua "Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới", xét chọn, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng trong cả giai đoạn 2016 - 2020; đồng thời đề xuất phương hướng, nhiệm vụ thi đua giai đoạn tiếp theo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải